| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**<br>TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 49/2019/DS-ST
Ngày: 24-9-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trà My.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Dũng;

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 210/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Đặng Đình P, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Nhà số 48, tổ 2, khu MK, phường CT, thành phố CP, tỉnh QN;

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: 117/6 HTCChúa, phường 8, thành phố VT, tỉnh BR – VT.

(Hiện nay đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Nhà số 48, tổ 2, khu MK, phường CT, thành phố CP, tỉnh QN.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị H*: Ông Đặng Đình P, sinh năm 1967, nơi cư trú: Nhà số 48, tổ 2, khu MK, phường CT, thành phố CP, tỉnh QN (theo giấy ủy quyền lập ngày 15/8/2019).

Ông P, bà Tú A, bà H vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Đình P trình bày:***

Ngày 15-3-2016, bà Nguyễn Thị Tú A điện thoại đề nghị ông cho vay số tiền 100.000.000đ và thỏa thuận trả lãi theo mức lãi suất của ngân hàng. Ngày 17-3- 2016, ông vay của ngân hàng SHB số tiền 100.000.000đ và chuyển tất cả vào tài khoản của bà A. Khi vay, bà A hứa sau 03 tháng sẽ trả hết cho ông nhưng bà không thực hiện. Ngày 25-7-2016, ông đã dùng tiền cá nhân của mình để trả cho ngân hàng SHB số tiền 100.000.000đ mà ông đã vay. Sau thời gian này, bà A có trả dần cho ông được 60.000.000đ tiền gốc, cụ thể: Ngày 07-02-2017 trả 10.000.000đ; ngày 12-7-2017 trả 20.000.000đ; ngày 25-9-2017 trả 20.000.000đ và ngày 15-8-2018 trả 10.000.000đ. Việc trả tiền trên đều được bà A chuyển khoản qua ngân hàng vào tài khoản của ông. Từ khi vay đến nay, bà A chưa trả lãi cho ông theo như đã thỏa thuận. Ông đã nhiều lần yêu cầu bà A trả tiền gốc và lãi nhưng bà A chỉ hứa hẹn mà không thực hiện, vì vậy ông yêu cầu Tòa án buộc bà A trả cho ông số tiền là 62.286.000đ trong đó có 40.000.000đ tiền gốc và 22.286.000đ tiền lãi.

Ngày 06-8-2019, ông thay đổi nội dung yêu cầu, chỉ yêu cầu bà A hoàn trả cho ông 47.530.800đ, gồm 40.000.000đ tiền gốc, 7.530.800đ tiền lãi và tiền lãi phát sinh cho tới khi hoàn tất khoản nợ, trong đó có 3.286.000đ (là khoản lãi từ ngày 17-3-2016 đến ngày 25-7-2016 trên số tiền vay 100.000.000đ mà nguyên đơn đã trả lãi cho ngân hàng;  4.244.800đ là khoản tiền lãi tính từ 25-8-2018 đến ngày 24-9-2019 trên số tiền gốc 40.000.000đ chưa trả (mức lãi suất yêu cầu là 9,1%/năm, tương đương 0,758%/ tháng và tương đương 9,1% : 365/ ngày). Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà A trả tiền như trên, không yêu cầu chồng bà A cùng có trách nhiệm trả nợ với bà A vì ông chỉ cho cá nhân bà A vay tiền.

***Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Tú A trình bày:***

Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000đồng như nguyên đơn trình bày và còn nợ lại 40.000.000đồng tiền gốc, mục đích vay tiền là để sử dụng nhu cầu cá nhân, không sử dụng cho sinh hoạt gia đình, không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Văn Hưng, bên cạnh đó hiện nay bà và ông Hưng đã ly hôn. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đồng ý và cam kết tự chịu trách nhiệm cá nhân trả nợ 40.000.000đồng tiền gốc và 22.286.000đồng tiền lãi như yêu cầu khởi kiện ban đầu của ông P. Hiện nay bà đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên bà có đơn đề nghị được vắng mặt trong tất cả buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử tại Tòa án các cấp.

***Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Đình P là người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:***

Bà H là vợ ông P, bà H xác nhận số tiền ông P dùng để cho bà A vay là tiền riêng của ông P, không phải tiền chung của vợ chồng. Trước yêu cầu khởi kiện của

ông P, bà đồng ý và không có ý kiến gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng các bên vắng mặt và có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt nên không thể tiến hòa giải được.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã thụ lý đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đặng Đình P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tú A trả tiền nợ vay và tiền lãi. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà A có nơi cư trú tại phường 8, thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông P, bà A, bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về chủ thể có trách nhiệm trả nợ: Theo yêu cầu khởi kiện của ông P, sự thừa nhận của bà A thì đây là khoản nợ riêng của bà A. Ông P cho cá nhân bà A vay tiền để dùng vào mục đích cá nhân, ông P chỉ yêu cầu bà A trả nợ tiền vay nên bà A là người có trách nhiệm trả nợ.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền vay của nguyên đơn thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông P và bị đơn bà A cùng thống nhất thừa nhận bà A có nợ của ông P số tiền 40.000.000đồng. Bà A đồng ý trả nợ cho ông P nhưng vì hiện nay bà A đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên bà có đơn đề nghị được vắng mặt trong tất cả buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử tại Tòa án các cấp nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các bên.Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà A có trách

nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay 40.000.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn, thấy rằng:

Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 9,1%/năm, tương đương 0,758%/tháng và tương đương 9,1%: 365/ngày.

Bị đơn thừa nhận và chấp nhận trả 22.286.000đồng tiền lãi như yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu về số tiền lãi, tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi cụ thể là 7.530.800đồng và lãi phát sinh đến khi bà A hoàn tất khoản nợ, trong đó gồm 3.286.000đ (là khoản lãi từ ngày 17-3-2016 đến ngày 25-7-2016 trên số tiền vay 100.000.000đồng do ông P phải trả lãi cho ngân hàng (*BL26*); số tiền 4.244.800đồng là tiền lãi tính từ 25-8-2018 đến tháng 24-9-2019 trên số tiền gốc 40.000.000đồng chưa trả. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn thì sự tự nguyện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà A phải trả số tiền lãi là 7.530.800đồng và tiền lãi phát sinh đến khi bà A hoàn tất khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tú A có trách nhiệm trả cho ông Đặng Đình P số tiền 47.530.800đồng nên phải chịu 2.376.540đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông P 1.500.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đình P.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Tú A có trách nhiệm trả cho ông Đặng Đình P số tiền 47.530.800đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ngàn tám trăm đồng), gồm: nợ gốc 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) và nợ lãi 7.530.800đồng (bảy triệu năm trăm ba mươi ngàn tám trăm đồng) tính đến ngày 24-9-2019.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi

hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tú A phải chịu 2.376.540đồng *(Hai triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm bốn mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Đình P không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả cho ông P số tiền 1.500.000đồng *(Một triệu năm trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0000035 ngày 05-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Nếu không đồng ý với bản án này, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Trà My**